

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 16 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 272/2025/DS-ST

Ngày 30-9-2025

V/v: Tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngân.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Thị Bé.

Bà Nguyễn Thị Túy Phượng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Hà Giang – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Bùi Phương Uyên - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 84/2025/TLST-DS ngày 20/02/2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 259/2025/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty Cổ phần S; địa chỉ trụ sở: số A đường N, phường B, thành phố V, tỉnh Nghệ An (nay là phường T, tỉnh Nghệ An); địa chỉ chi nhánh: tổ C đường N, khu tái định cư Đ, khu phố Đ, phường L, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường L, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện theo pháp luật: ông K NAPAT; Chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Hoàng Thị H, sinh năm 1988 (theo Văn bản ủy quyền số 494/2024/UQ-SVN ngày 16/11/2024); có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn: Bà Trần Thị O, sinh năm 1974; địa chỉ: số A, khu phố A, phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường A, Thành phố Hồ Chí Minh), vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo nội dung đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là bà Hoàng Thị H trình bày:

Ngày 31/7/2019, bà Trần Thị O và Công ty TNHH S1 (nay là Công ty Cổ phần S) (sau đây viết tắt là Công ty S2) ký Hợp đồng cầm cố và giấy mượn xe, theo đó: bà O cầm cố cho Công ty S2 tài sản là 01 (một) xe mô tô hai bánh nhãn hiệu: YAMAHA; loại xe: Sirius 110; biển số xe: 61C1-277.31; số máy: 5C64-876576; số khung: C640CY876568 theo Giấy chứng nhận đăng ký số: 021521 do Công an thị xã T, tỉnh Bình Dương (nay là Công an Thành phố H) cấp ngày 22/9/2012. Nội dung hợp đồng cầm cố cụ thể như sau: số tiền cầm cố là 4.200.000 đồng; thời hạn cầm cố: 06 tháng; mục đích cầm cố: phục vụ tiêu dùng cá nhân và kinh doanh; ngày giải ngân: 31/7/2019; lãi suất cầm cố và các khoản phí được hai bên thỏa thuận đã ký như sau: lãi suất cầm cố: 1,1%/tháng, phí quản lý hồ sơ: 1,9%/tháng, lãi suất quá hạn: bằng 150% lãi suất trong hạn.

Do nhu cầu đi lại, phục vụ công việc, ngày 31/7/2019, bà O có đơn gửi Công ty X mượn lại xe mô tô và cam kết theo nội dung giấy mượn xe, thời gian mượn xe là 01 (một) tháng từ ngày 31/7/2019 đến 31/8/2019. Bà O cam kết: “Hoàn trả lại tài sản mượn đúng thời hạn và địa điểm đã thỏa thuận” theo yêu cầu từ Công ty và được Công ty cho mượn lại xe.

Khi ký kết hợp đồng cầm cố tài sản, thì hai bên tiến hành lập hợp đồng và phụ lục hợp đồng kèm theo hợp đồng chính. Trong nội dung của phụ lục hợp đồng, bên cầm cố tài sản đồng ý cho Công ty có quyền được cho thuê, cho mượn, khai thác công dụng tài sản cầm cố và hưởng hoa lợi, lợi tức từ tài sản cầm cố và không hoàn trả hoa lợi, lợi tức đó cho khách hàng khi hợp đồng chấm dứt.

Để đảm bảo cho khoản cầm cố tài sản số NTM190701018NA12X ký ngày 31/7/2019. Tài sản trên đã được Công ty đăng ký giao dịch đảm bảo tài sản trên hệ thống trực tuyến của Cục Đ số đăng ký giao dịch số: 1559322158 website: <https://dktructuyen.moj.gov.vn>

Kể từ ngày ký hợp đồng cầm cố, Công ty đã giải ngân cho khách hàng số tiền là 4.200.000 đồng theo hợp đồng cầm cố đã ký kết, tuy nhiên đến nay đã quá thời hạn nhưng bà O chưa thanh toán bất kỳ khoản tiền nào cho Công ty, ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích của Công ty.

Công ty đã nhiều lần làm việc và gửi thông báo nhắc nhở tạo điều kiện cho bà O có thời gian thu xếp trả nợ nhưng bà O vẫn không thực hiện.

Tính đến ngày 25/10/2024 bà O còn nợ Công ty số tiền gốc là: 4.200.000 đồng, tiền lãi trong hạn 1,1% là: 165.680 đồng; phí quản lý hồ sơ là: 286.176 đồng; tiền lãi quá hạn 150% là: 4.347.000 đồng. Tổng số tiền bà O còn nợ tính đến ngày 25/10/2024 là 9.251.277 đồng.

Công ty S2 khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc bà O phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền tính đến ngày 25/10/2024 là 9.251.277 đồng, trong đó: nợ gốc là 4.200.000 đồng, tiền lãi trong

hạn là 165.680 đồng, phí quản lý hồ sơ là 286.176 đồng và tiền lãi quá hạn 150% là 4.347.000 đồng.

- Trường hợp bà O không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ nêu trên, đề nghị Tòa án tuyên nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản bảo đảm là: 01 xe mô tô hai bánh biển số 61C1-277.31.

- Toàn bộ số tiền thu được từ việc xử lý tài sản đảm bảo được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ cho bên vay vốn với nguyên đơn. Trường hợp nếu số tiền thu được từ xử lý tài sản đảm bảo không đủ để thanh toán hết nợ thì bà Trần Thị O vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ còn lại cho nguyên đơn. Ngoài ra, bà O còn phải tiếp tục chịu lãi suất, phí phát sinh theo hợp đồng cầm cố và giấy mượn xe kể từ ngày 31/7/2019 cho đến khi thanh toán xong nợ.

Tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp bao gồm: 01 passport Thái Lan của ông Kanokwa T; 01 giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của nguyên đơn; 01 Hợp đồng cầm cố số NTM190701018NA12X ngày 31/7/2019; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy Số 021521; 01 bản tự khai.

2. Bị đơn bà Trần Thị O đã được Tòa án thông báo, tổng đạt các văn bản tố tụng, triệu tập hợp lệ (bằng hình thức niêm yết công khai) để tham gia buổi làm việc; phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; phiên tòa sơ thẩm theo đúng quy định tại các điều 177, 208, 220, 227 và 233 của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng bà O vắng mặt không rõ lý do, không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cũng như không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu như sau:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng; bị đơn không chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục về xét xử sơ thẩm vụ án.

Về nội dung: căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh luận tại phiên tòa, nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ tranh chấp: nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền cầm cố và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng cầm cố tài sản đã ký kết giữa các bên. Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là “Tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản”.

[2] Thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn bà Trần Thị O có địa chỉ cư trú tại: số A, khu phố A, phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường A, Thành phố Hồ Chí Minh). Căn cứ Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh).

[3] Về việc xét xử vắng mặt đương sự: người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Bị đơn bà O đã được Tòa án thông báo và tổng đạt các văn bản tố tụng (bằng hình thức niêm yết công khai) theo đúng quy định tại các điều 177, 220, 227 và 233 của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng vắng mặt tại phiên tòa không rõ lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Theo quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc. Bị đơn bà O không đến Tòa án tham gia tố tụng xem như đã từ bỏ quyền được chứng minh của mình theo quy định tại khoản 1 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[5.1] Đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn thanh toán số tiền nợ gốc và lãi suất:

Ngày 31/7/2019, bị đơn bà O và nguyên đơn Công ty TNHH S1 (nay là Công ty Cổ phần S) ký Hợp đồng cầm cố với nội dung bà O cầm cố cho Công ty S2 01 xe mô tô biển số xe: 61C1-277.31 với số tiền cầm cố là 4.200.000 đồng; thời hạn cầm cố: 06 tháng. Hợp đồng còn có nội dung hai bên thỏa thuận lãi suất cầm cố là 1,1%/tháng, phí quản lý hồ sơ 1,9%/tháng, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Hợp đồng cầm cố tài sản giữa các bên được ký kết trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận và phù hợp với quy định tại Điều 309 Bộ luật Dân sự, lãi suất các bên thỏa thuận phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự. Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty đã giao đủ số tiền nêu trên cho bà O, tuy nhiên hết thời hạn cầm cố trong hợp đồng bà O không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như đã cam kết, vi phạm các điều khoản đã thỏa thuận trong hợp đồng cầm cố (các điều 3, 4 và 6 của hợp đồng), ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Vì vậy, căn cứ quy định tại các điều 309, 310, 311, 314 của Bộ luật Dân sự năm 2015, nguyên đơn yêu cầu bị đơn bà O phải thanh

toán số tiền cầm cố và lãi suất tính đến ngày 25/10/2024 tổng cộng là 9.251.277 đồng (trong đó: số tiền gốc là: 4.200.000 đồng, tiền lãi trong hạn 1,1% là: 165.680 đồng; phí quản lý hồ sơ là: 286.176 đồng; tiền lãi quá hạn 150% là: 4.347.000 đồng) là có cơ sở chấp nhận.

[5.2] Đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn có nghĩa vụ tiếp tục trả tiền lãi và phí phát sinh: căn cứ nội dung thỏa thuận giữa các bên trong hợp đồng cầm cố, bị đơn bà O có nghĩa vụ tiếp tục thanh toán lãi suất, phí phát sinh theo hợp đồng cầm cố và giấy mượn xe kể từ ngày 26/10/2024 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ cho Công ty S2. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn tiếp tục trả lãi suất và phí phát sinh là có cơ sở chấp nhận.

[5.3] Về xử lý tài sản cầm cố: do bị đơn bà O vi phạm nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn nên căn cứ thỏa thuận giữa các bên trong hợp đồng cầm cố ngày 31/7/2019 và nội dung lưu ý cho bên cầm cố ban hành kèm theo hợp đồng cầm cố thì trường hợp bị đơn bà O không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Công ty thì Công ty có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản cầm cố là xe mô tô biển số 61C1-277.31 để thu hồi nợ. Toàn bộ số tiền thu được từ việc xử lý tài sản đảm bảo được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của bà O đối với Công ty. Trường hợp nếu số tiền thu được từ xử lý tài sản đảm bảo không đủ để thanh toán hết nợ thì bà O vẫn phải tiếp tục trả hết khoản nợ còn lại cho Công ty. Căn cứ quy định tại Điều 299 của Bộ luật Dân sự năm 2015 thì một trong các trường hợp xử lý tài sản bảo đảm là khi đến hạn thực hiện nghĩa vụ bảo đảm mà bên có nghĩa vụ không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về xử lý tài sản cầm cố là có cơ sở chấp nhận.

[5.4] Từ những phân tích trên, có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty S2 đối với bị đơn bà Trần Thị O.

[6] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp.

[7] Án phí dân sự sơ thẩm: do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 235, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tổ tụng dân sự.

- Các điều 299, 309, 310, 311, 314, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 6, khoản 2 và khoản 5 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa

14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần S Có Ngay đối với bị đơn bà Trần Thị O về việc “Tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản”.

1.1. Buộc bị đơn bà Trần Thị O phải thanh toán cho Công ty Cổ phần S Có Ngay tổng số tiền gốc, tiền lãi và phí phát sinh tính đến ngày 25/10/2024 tổng cộng là 9.251.277 đồng (chín triệu hai trăm năm mươi một nghìn hai trăm bảy mươi bảy đồng), trong đó: tiền gốc là 4.200.000 đồng (bốn triệu hai trăm nghìn đồng), tiền lãi trong hạn là: 165.680 đồng (một trăm sáu mươi lăm nghìn sáu trăm tám mươi đồng); phí quản lý hồ sơ là 286.176 đồng (hai trăm tám mươi sáu nghìn một trăm bảy mươi sáu đồng); tiền lãi quá hạn là 4.347.000 đồng (bốn triệu ba trăm bốn mươi bảy nghìn đồng).

1.2. Buộc bị đơn bà O tiếp tục thanh toán lãi suất, phí phát sinh theo hợp đồng cầm cố và giấy mượn xe đã ký kết kể từ ngày 26/10/2024 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ cho Công ty Cổ phần S Có Ngay.

1.3. Trường hợp bị đơn bà O không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Công ty Cổ phần S Có Ngay thì Công ty được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản cầm cố là: 01 (một) xe mô tô hai bánh nhãn hiệu: YAMAHA; loại xe: Sirius 110; biển số xe: 61C1-277.31; số máy: 5C64-876576; số khung: C640CY876568 theo Giấy chứng nhận đăng ký số: 021521 do Công an thị xã T, tỉnh Bình Dương (nay là Công an Thành phố H) cấp ngày 22/9/2012 cho bà Trần Thị O để thu hồi nợ.

Trường hợp nếu số tiền thu được từ xử lý tài sản đảm bảo nêu trên không đủ để thanh toán hết nợ cho Công ty Cổ phần S Có Ngay thì bà O vẫn phải tiếp tục trả hết khoản nợ còn lại cho Công ty Cổ phần S Có Ngay.

2. Về án phí sơ thẩm:

Bị đơn bà Trần Thị O phải nộp 462.564 đồng (bốn trăm sáu mươi hai nghìn năm trăm sáu mươi tư đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Công ty Cổ phần S Có Ngay số tiền 515.184 đồng (năm trăm mười lăm nghìn một trăm tám mươi bốn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000750 ngày 12/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương (nay là Thi hành án dân sự Thành phố H).

3. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành

án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh;
- Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 16 – Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh;
- Đường sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Ngân

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Ngọc Phương

Lê Văn Công

Nguyễn Thị Ngân

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh;
- Công an Thành phố Hồ Chí Minh;
- Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 16 – Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh;
- Người tham gia tố tụng (3);
- Ủy ban nhân dân cấp xã nơi bị cáo thường trú (thay văn bản thông báo);
- Lưu: hồ sơ vụ án, THAHS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Ngân

